

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: **103/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/9/2026

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thùy Linh

2. Bà Ngô Thị Hồng Mận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 15/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Thị Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Mạnh Đ1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Tống T, sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tống Thị Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là UBND xã P, tỉnh Đắk Lắk) vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng không còn sống chung, không ai quan tâm ai gần 5 năm. Nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông Đ1.

Về con chung: Có 02 con chung Trần Tiến P, sinh ngày 23/5/2012 và Trần Thu T1, sinh ngày 14/6/2015. Ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu ông Đ1 cấp dưỡng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Trần Mạnh Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; Bị đơn có hộ khẩu tại xã P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 13-Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Trần Mạnh Đ1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, áp dụng điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Tổng Thị Đ và bị đơn Trần Mạnh Đ1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là UBND xã P, tỉnh Đắk Lắk) theo giấy chứng nhận kết hôn số 59 vào ngày 12/9/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà Đ, ông Đ1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tự xa nhau từ năm 2022, không ai quan tâm đến ai. Sự việc đúng như lời khai của ông Tổng T (là cha ruột chị Đ). Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, biết việc nguyên đơn xin ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Xét 02 con chung tên Trần Tiến P, sinh ngày 23/5/2012 và Trần Thu T1, sinh ngày 14/6/2015; đều có nguyện vọng được sống cùng bà Đ và lâu nay do bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để hai cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần giao 02 con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

[2.3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tống Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Tống Thị Đ được ly hôn với bị đơn Trần Mạnh Đ1.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Tiến P, sinh ngày 23/5/2012 và Trần Thu T1, sinh ngày 14/6/2015 cho nguyên đơn Tống Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn Trần Mạnh Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Tống Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0005637 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Phú Hoà 1
(GCNKH số 59 ngày 12/9/2011);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mộng Tuyền